

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn  
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG  
CÁC KHOẢN TRÍCH NỢP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 8 năm 2025

(Kèm theo thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 8 năm 2025)

ĐVT: đồng

| STT | Họ và tên         | Mã ngạch   | Hệ số lương | Hệ số phụ cấp chức vụ | % PCƯ ĐN | Hệ số phụ cấp UDĐN | Cộng hệ số | Tiền lương tháng | Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản |      |         | Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS | BHXH<br>Trừ vào lương (8%) | BHYT              |                      | BHTN              |                    | KPCĐ<br>Trích vào CP (2%) | Số thực lĩnh | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------|-------------|-----------------------|----------|--------------------|------------|------------------|-------------------------------|------|---------|----------------------------------------------|----------------------------|-------------------|----------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|--------------|---------|
|     |                   |            |             |                       |          |                    |            |                  | Lương                         | PCCV | PCTNV K |                                              |                            | Trích vào CP (3%) | Trừ vào lương (1,5%) | Trích vào CP (1%) | Trừ vào lương (1%) |                           |              |         |
| A   | B                 | C          | 1           | 2                     | 10       | 11                 | 12         | 13               | 14                            | 15   | 16      | 17=(14+15+16)                                | 20                         | 21                | 22                   | 23                | 24                 | 25                        | 26           | D       |
| 1   | Lê Thị Hồng Vân   | V.08.10.28 | 4,98        | 0,4                   | 30%      | 1,61               | 6,99       | 16.365.960       | 0                             | 0    |         | 0                                            | 1.007.136                  | 377.676           | 188.838              | 125.892           | 125.892            | 251.784                   | 15.044.094   |         |
| 2   | Bùi Thị Danh      | V.08.10.28 | 3,66        |                       | 30%      | 1,10               | 4,76       | 11.133.720       | 0                             |      |         | 0                                            | 685.152                    | 256.932           | 128.466              | 85.644            | 85.644             | 171.288                   | 10.234.458   |         |
| 3   | Nguyễn Thị Nhung  | V.08.10.28 | 3           |                       | 30%      | 0,90               | 3,90       | 9.126.000        | 0                             |      |         | 0                                            | 561.600                    | 210.600           | 105.300              | 70.200            | 70.200             | 140.400                   | 8.388.900    |         |
| 4   | Võ Thị Ánh Nguyệt | V.08.10.28 | 3           |                       | 30%      | 0,90               | 3,90       | 9.126.000        | 0                             |      |         | 0                                            | 561.600                    | 210.600           | 105.300              | 70.200            | 70.200             | 140.400                   | 8.388.900    |         |
| 5   | Lê Thị Phụng      | V.08.10.28 | 2,67        |                       | 30%      | 0,80               | 3,47       | 8.122.140        | 0                             |      |         | 0                                            | 499.824                    | 187.434           | 93.717               | 62.478            | 62.478             | 124.956                   | 7.466.121    |         |
| 6   | Nguyễn Thị Chí    | V.08.10.28 | 3           |                       | 30%      | 0,90               | 3,90       | 9.126.000        | 0                             |      |         | 0                                            | 561.600                    | 210.600           | 105.300              | 70.200            | 70.200             | 140.400                   | 8.388.900    |         |
|     | Tổng cộng         |            | 20,31       | 0,4                   |          | 6,213              | 26,92      | 62.999.820       | 0                             | 0    | 0       | 0                                            | 3.876.912                  | 1.453.842         | 726.921              | 484.614           | 484.614            | 969.228                   | 57.911.373   |         |

Tổng số tiền bằng chữ: Năm mươi bảy triệu chín trăm mười một nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng chẵn.